

## MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 21



## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Phạm Kim Lâm	Chủ tịch
Ông Nguyễn Khắc Sơn	Thành viên
Ông Phạm Linh	Thành viên
Ông Nguyễn Việt Hà	Thành viên
Ông Nguyễn Tường Tấn	Thành viên (miễn nhiệm ngày 29 tháng 06 năm 2010)
Ông Nguyễn Tấn Lộc	Thành viên (bổ nhiệm ngày 29 tháng 06 năm 2010)

#### **Ban Giám đốc**

Ông Nguyễn Khắc Sơn	Tổng Giám đốc
Ông Vũ Xuân Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Thanh	Phó Tổng Giám đốc

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

0307  
NG  
NHIỆM H  
LOIT  
T NA  
A - T

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Khắc Sơn  
Tổng Giám đốc

Hải Dương, ngày 09 tháng 8 năm 2010

Số: 83 /Deloitte-AUDHN-RE

## BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: **Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2010 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại (gọi tắt là "Công ty") cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010. Các báo cáo tài chính kèm theo không nằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam. Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1 và 2, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 15 phần thuyết minh báo cáo tài chính, tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2010, Công ty chưa đánh giá lại khoản mục vay dài hạn có gốc ngoại tệ theo tỷ giá do Ngân hàng nhà nước công bố. Nếu thực hiện đánh giá lại khoản mục vay dài hạn có gốc ngoại tệ theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 - "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái", lợi nhuận trong kỳ của Công ty sẽ giảm đi và số dư vay phải trả sẽ tăng lên một khoản tương ứng là 114.301.054.189 VND.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của những vấn đề nêu trên, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại tại ngày 30 tháng 06 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Chúng tôi xin lưu ý: Như đã trình bày tại Thuyết minh số 17 phần thuyết minh báo cáo tài chính, doanh thu bán điện của Công ty được ghi nhận dựa trên giá quy định tại Nghị quyết số 401/NQ-HDQT ngày 25 tháng 06 năm 2010 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về giá bán điện đối với Công ty trong giai đoạn 2010 đến 2013. Công ty và Công ty mua bán điện đang trong quá trình thương thảo để ký kết chính thức hợp đồng mua bán điện.



**Đặng Chí Dũng**  
Phó Tổng Giám đốc  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0030/KTV

*Thay mặt và đại diện cho*  
**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 09 tháng 8 năm 2010  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Nguyễn Tuấn Anh**  
Kiểm toán viên  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số N.1291/KTV

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2010

**MẪU SỐ B 01-DN**  
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết	30/06/2010		31/12/2009	
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>5.260.007.083.404</b>		<b>5.099.163.183.691</b>	
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>1.351.085.275.833</b>		<b>1.383.302.959.936</b>	
1. Tiền	111		60.085.275.833		24.102.959.936	
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.291.000.000.000		1.359.200.000.000	
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5</b>	<b>2.030.000.000.000</b>		<b>2.205.000.000.000</b>	
1. Đầu tư ngắn hạn	121		2.030.000.000.000		2.205.000.000.000	
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>1.252.869.859.552</b>		<b>876.954.166.119</b>	
1. Phải thu khách hàng	131		1.241.481.233.479		867.117.307.022	
2. Trả trước cho người bán	132		11.097.456.181		9.803.833.558	
3. Các khoản phải thu khác	135		291.169.892		33.025.539	
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>6</b>	<b>624.454.246.969</b>		<b>601.820.401.413</b>	
1. Hàng tồn kho	141		753.986.709.333		719.652.863.777	
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(129.532.462.364)		(117.832.462.364)	
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.597.701.050</b>		<b>32.085.656.223</b>	
1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		301.661.537		30.503.745.710	
2. Tài sản ngắn hạn khác	158		1.296.039.513		1.581.910.513	
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>6.359.682.742.147</b>		<b>6.644.679.613.900</b>	
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>3.999.703.948.844</b>		<b>4.452.376.164.947</b>	
1. Tài sản cố định hữu hình	221	<b>7</b>	3.786.338.570.714		4.230.318.936.946	
- Nguyên giá	222		13.269.081.201.395		13.266.503.453.950	
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(9.482.742.630.681)		(9.036.184.517.004)	
2. Tài sản cố định vô hình	227	<b>8</b>	35.758.268.141		38.299.406.924	
- Nguyên giá	228		57.622.081.586		57.274.433.766	
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(21.863.813.445)		(18.975.026.842)	
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		177.607.109.989		183.757.821.077	
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>9</b>	<b>2.035.364.579.900</b>		<b>1.869.919.462.500</b>	
1. Đầu tư dài hạn khác	258		2.073.152.579.900		1.907.707.462.500	
2. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn	259		(37.788.000.000)		(37.788.000.000)	
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>324.614.213.403</b>		<b>322.383.986.453</b>	
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		436.158.286		1.130.931.336	
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	<b>10</b>	324.178.055.117		321.253.055.117	
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>11.619.689.825.551</b>		<b>11.743.842.797.591</b>	

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 21 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2010

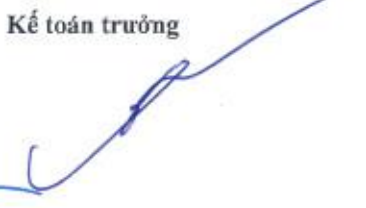
MÃ SỐ B 01-DN  
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết		
			30/06/2010	31/12/2009
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>7.285.642.567.790</b>	<b>7.426.842.696.286</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>949.291.893.448</b>	<b>904.117.838.832</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	11	372.648.174.393	372.648.174.393
2. Phải trả người bán	312		148.036.081.281	152.237.384.753
3. Người mua trả tiền trước	313		208.237.608	36.713.165
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	17.970.044.819	17.858.675.499
5. Phải trả người lao động	315		18.579.719.254	41.134.379.796
6. Chi phí phải trả	316	13	362.673.759.803	222.827.534.885
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	14	6.124.558.479	94.607.356.646
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		23.051.317.811	2.767.619.695
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>6.336.350.674.342</b>	<b>6.522.724.857.454</b>
1. Vay và nợ dài hạn	334	15	6.335.018.964.858	6.521.343.052.054
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		1.331.709.484	1.381.805.400
<b>B. NGUỒN VỐN</b>	<b>400</b>		<b>4.334.047.257.761</b>	<b>4.317.000.101.305</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>16</b>	<b>4.334.047.257.761</b>	<b>4.317.000.101.305</b>
1. Vốn điều lệ	411		3.262.350.000.000	3.262.350.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	413		17.677.475.737	-
3. Cổ phiếu quỹ	414		(65.004.299.580)	(65.004.299.580)
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		291.922.524.263	309.600.000.000
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		52.500.000.000	52.500.000.000
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		774.601.557.341	757.554.400.885
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>11.619.689.825.551</b>	<b>11.743.842.797.591</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	30/06/2010	31/12/2009
1. Hàng hóa nhận giữ hộ	15.853.306.683	15.042.282.379
2. Nợ khó đòi đã xử lý	107.261.329	107.261.329

Tổng Giám đốc  
  
 Nguyễn Khắc Sơn

Kế toán trưởng  
  
 Lê Thế Sơn

Người lập  
  
 Nguyễn Quang Huy

Hải Dương, ngày 09 tháng 8 năm 2010

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 21 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010

MẪU SỐ B 02-DN  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	17	2.264.438.663.240	2.256.174.625.176
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		2.264.438.663.240	2.256.174.625.176
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	18	1.879.845.400.725	1.608.814.390.201
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		384.593.262.515	647.360.234.975
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	225.998.796.183	176.955.960.889
7. Chi phí tài chính	22	20	110.763.195.987	83.524.474.061
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		95.448.895.296	83.524.408.655
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		37.051.007.541	34.176.565.910
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		462.777.855.170	706.615.155.893
11. Thu nhập khác	31		2.199.920.087	3.020.744.128
12. Chi phí khác	32		2.467.997.828	2.737.889.887
13. (Lỗ)/lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(268.077.741)	282.854.241
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		462.509.777.429	706.898.010.134
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	21	30.202.084.173	23.746.812.353
16. Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	21	(2.925.000.000)	-
17. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51-52)	60		435.232.693.256	683.151.197.781
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	22	1.339	2.101



Tổng Giám đốc

Nguyễn Khắc Sơn

Kế toán trưởng

Lê Thế Sơn

Người lập

Nguyễn Quang Huy

Hải Dương, ngày 09 tháng 8 năm 2010

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 21 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010

**MẪU SỐ B 03-DN**  
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2010	Từ 01/01/2009
		đến 30/06/2010	đến 30/06/2009
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	462.509.777.429	706.898.010.134
2. Điều chỉnh cho các khoản:		330.569.846.559	358.249.609.646
- Khấu hao tài sản cố định	02	449.402.103.781	451.681.161.880
- Các khoản dự phòng	03	11.700.000.000	-
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(225.981.152.518)	(176.955.960.889)
- Chi phí lãi vay	06	95.448.895.296	83.524.408.655
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08	793.079.623.988	1.065.147.619.780
- (Tăng) các khoản phải thu	09	(361.720.314.099)	(96.306.442.756)
- (Tăng) hàng tồn kho	10	(34.333.845.556)	(11.197.434.982)
- Tăng các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	31.233.653.825	110.489.109.875
- Giảm chi phí trả trước	12	694.773.050	1.277.596.952
- Tiền lãi vay đã trả	13	(96.001.352.534)	(84.371.385.965)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	47.575.000	52.916.680
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(7.719.080.385)	(6.114.026.091)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>325.281.033.289</b>	<b>978.977.953.493</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(2.615.620.180)	(5.066.944.178)
2. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(3.659.000.000.000)	(700.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	3.834.000.000.000	705.000.000.000
4. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác	25	(165.445.117.400)	(301.055.750.000)
5. Tiền thu lãi cho vay	27	212.071.644.184	149.214.573.037
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>219.010.906.604</b>	<b>(151.908.121.141)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(186.324.087.196)	(171.711.525.499)
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho cổ đông	36	(390.185.536.800)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(576.509.623.996)</b>	<b>(171.711.525.499)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(32.217.684.103)</b>	<b>655.358.306.853</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	1.383.302.959.936	512.800.801.199
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	70	1.351.085.275.833	1.168.159.108.052



Nguyễn Khắc Sơn

Kế toán trưởng

Lê Thế Sơn

Người lập

Nguyễn Quang Huy

Hải Dương, ngày 09 tháng 8 năm 2010

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 21 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại (gọi tắt là "Công ty") trước đây là Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại trực thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam. Theo Quyết định số 16/2005/QĐ-BCN ngày 30 tháng 3 năm 2005 của Bộ Trưởng Bộ Công nghiệp, Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại được chuyển thành Công ty Nhiệt điện Phả Lại, là công ty thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam).

Thực hiện Quyết định số 3537/QĐ-TCCB ngày 31 tháng 12 năm 2004 của Bộ Công nghiệp về việc cổ phần hoá, Công ty Nhiệt điện Phả Lại đã hoàn thành công tác cổ phần hoá và chính thức chuyển đổi sang hình thức công ty cổ phần kể từ ngày 25 tháng 01 năm 2006. Công ty đã được Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0403000380 ngày 25 tháng 1 năm 2006. Hiện nay, Công ty đã chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.

Tổng số vốn điều lệ của Công ty là: 3.262.350.000.000 VND.

Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam và Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Ngân Hà là các cổ đông sáng lập của Công ty. Trong đó, Tập đoàn Điện lực Việt Nam là cổ đông chi phối nắm giữ 65,44% vốn điều lệ của Công ty.

Công ty có trụ sở chính đặt tại phường Phả Lại, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2010 là 1.515 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2009: 1.438 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh điện năng (nhiệt điện). Toàn bộ sản lượng điện của Công ty phát lên điện lưới Quốc gia được bán cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN).

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam, yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên, riêng nguyên vật liệu là than dùng cho đốt lò máy phát điện được hạch toán theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập trong kỳ cho giá trị vật tư thiết bị dự phòng dùng cho việc sửa chữa, thay thế của Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại 2. Khoản dự phòng này được lập theo ước tính về giá trị vật tư bị suy giảm hàng năm là 10% trong 10 năm kể từ thời điểm đưa thiết bị của Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại 2 vào sử dụng. Theo đó, mỗi năm Công ty sẽ lập dự phòng thêm bằng 10% giá trị của vật tư dự phòng tại thời điểm đưa thiết bị của Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại 2 vào sử dụng. Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và theo các ước tính về giá trị bị suy giảm, không cho mục đích thuế thu nhập doanh nghiệp, vì vậy sẽ tạo ra một khoản tài sản thuế hoãn lại được trình bày trên bảng cân đối kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và hao mòn**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa và vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc và thiết bị	08 - 12
Phương tiện vận tải	10 - 15
Thiết bị văn phòng	03 - 10
Tài sản cố định khác	03 - 25

**Tài sản cố định vô hình và hao mòn**

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị chi phí về quyền sử dụng đất và giá trị phần mềm máy tính. Giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tương ứng là 10 năm và 3 năm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Chi phí sửa chữa lớn**

Chi phí sửa chữa lớn được ghi nhận toàn bộ vào chi phí kinh doanh trong kỳ khi phát sinh. Các công trình sửa chữa lớn đã phát sinh nhưng chưa quyết toán được theo dõi trên sổ dự khoản mục "Chi phí xây dựng cơ bản dở dang" đồng thời với khoản mục "Chi phí phải trả" trên bảng cân đối kế toán. Khi quyết toán các công trình sửa chữa lớn, giá trị quyết toán sẽ được hạch toán bù trừ giữa hai khoản mục trên.

**Chi phí trả trước dài hạn**

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị các công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng hai năm theo các quy định kế toán hiện hành.

**Các khoản đầu tư chứng khoán**

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán điện được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu được ghi nhận khi có biên bản xác nhận lượng điện phát lên lưới điện Quốc gia và hoá đơn được phát hành. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2010, doanh thu được ghi nhận dựa trên mức giá quy định tại Nghị quyết số 401/NQ-HĐQT ngày 25 tháng 6 năm 2010 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam và sản lượng cung cấp thực tế trong kỳ.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên sổ dự các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Thuế**

Theo các quy định về ưu đãi miễn giảm thuế tại các văn bản bao gồm Nghị định số 164/2003-NĐ-CP của Chính phủ ngày 22 tháng 12 năm 2003, Thông tư số 128/2003/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 22 tháng 12 năm 2003; các công văn về miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp cho các tổ chức có chứng khoán giao dịch trên Trung tâm giao dịch chứng khoán số 5248/TC-CST của Bộ Tài chính ngày 29 tháng 4 năm 2005, Công văn số 11924/TC-CST của Bộ Tài chính ngày 20 tháng 10 năm 2004, Công văn số 1591/TCT/DNNN của Tổng Cục Thuế ngày 4 tháng 5 năm 2006, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 15% trên thu nhập chịu thuế trong 12 năm kể từ thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 5 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 6 năm tiếp theo. Năm 2010 là năm thứ năm Công ty được hưởng ưu đãi miễn thuế thu nhập doanh nghiệp. Theo Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp 2008, hoạt động tài chính và hoạt động khác không thuộc đối tượng được ưu đãi và miễn giảm thuế. Các hoạt động nêu trên chịu thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25%. Quy định này được áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÃ SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/06/2010	31/12/2009
	VND	VND
Tiền mặt	3.132.502.248	989.752.898
Tiền gửi ngân hàng	56.952.773.585	23.113.207.038
Các khoản tương đương tiền (*)	1.291.000.000.000	1.359.200.000.000
	<b>1.351.085.275.833</b>	<b>1.383.302.959.936</b>

(\*) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn nhỏ hơn hoặc bằng ba tháng. Các khoản này được tính lãi theo lãi suất cố định và có thể chuyển đổi thành tiền gửi không kỳ hạn vào bất kỳ thời điểm nào.

**5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	30/06/2010	31/12/2009
	VND	VND
Đầu tư tài chính ngắn hạn (*)	1.700.000.000.000	1.700.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn khác (**)	330.000.000.000	505.000.000.000
<i>Công ty Quản lý quỹ ĐTCK Bảo Việt (BVFMC)</i>	<i>150.000.000.000</i>	<i>150.000.000.000</i>
<i>Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam</i>	<i>130.000.000.000</i>	<i>230.000.000.000</i>
<i>Công ty Quản lý quỹ SSI (SSIAM)</i>	<i>50.000.000.000</i>	<i>50.000.000.000</i>
<i>Công ty Quản lý quỹ ĐTCK Việt Nam (VFM)</i>	<i>-</i>	<i>75.000.000.000</i>
	<b>2.030.000.000.000</b>	<b>2.205.000.000.000</b>
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn	-	-
	<b>2.030.000.000.000</b>	<b>2.205.000.000.000</b>

(\*) Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn trên 3 tháng và dưới một năm. Các khoản này được tính theo lãi suất cố định.

(\*\*) Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn được phân loại lại từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn sẽ đáo hạn trong vòng 1 năm tới. Các khoản đầu tư tài chính này được lập dự phòng theo những ước tính kế toán suy giảm về mặt giá trị của các khoản đầu tư.

**6. HÀNG TỒN KHO**

	30/06/2010	31/12/2009
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	736.206.542.850	701.004.758.374
Công cụ, dụng cụ	17.660.535.816	18.641.268.403
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	119.630.667	6.837.000
	<b>753.986.709.333</b>	<b>719.652.863.777</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(129.532.462.364)	(117.832.462.364)
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện được</b>	<b>624.454.246.969</b>	<b>601.820.401.413</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**MẪU SỐ B 09-DN**

**7. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản có định khác	Tổng cộng	Đơn vị: VND
<b>NGUYỄN GIÁ</b>							
Tại ngày 01/01/2010	1.704.790.176.466	11.472.572.692.048	50.392.950.804	36.122.379.658	2.625.254.974	13.266.503.453.950	
Tăng trong kỳ	309.775.085	642.063.360	1.625.909.000	-	-	2.577.747.445	
- Mua sắm mới	-	642.063.360	1.625.909.000	-	-	2.267.972.360	
- Đầu tư XD CB hoàn thành	309.775.085	-	-	-	-	309.775.085	
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-	
Tại ngày 30/06/2010	1.705.099.951.551	11.473.214.755.408	52.018.859.804	36.122.379.658	2.625.254.974	13.269.081.201.395	
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LUY KẾ</b>							
Tại ngày 01/01/2010	1.082.035.318.559	7.894.073.076.293	32.315.790.864	26.779.909.263	980.422.025	9.036.184.517.004	
Tăng trong kỳ	37.364.740.310	405.918.060.823	1.443.035.381	1.691.399.876	140.877.287	446.558.113.677	
- Trích khấu hao	37.364.740.310	405.918.060.823	1.443.035.381	1.691.399.876	140.877.287	446.558.113.677	
Tại ngày 30/06/2010	1.119.400.058.869	8.299.991.137.116	33.758.826.245	28.471.309.139	1.121.299.312	9.482.742.630.681	
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>							
Tại ngày 30/06/2010	585.699.892.682	3.173.223.618.292	18.260.033.559	7.651.070.519	1.503.955.662	3.786.338.570.714	
Tại ngày 31/12/2009	622.754.857.907	3.578.499.615.755	18.077.159.940	9.342.470.395	1.644.832.949	4.230.318.936.946	

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 06 năm 2010 với giá trị là 720.650.724.456 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 716.897.910.686 VND).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Đơn vị: VND

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Phần mềm máy tính</u>	<u>Tổng</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày 01/01/2010	57.274.433.766	-	57.274.433.766
Tăng trong kỳ	-	347.647.820	347.647.820
<b>Tại ngày 30/06/2010</b>	<b>57.274.433.766</b>	<b>347.647.820</b>	<b>57.622.081.586</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ</b>			
Tại ngày 01/01/2010	18.975.026.842	-	18.975.026.842
Trích khấu hao trong kỳ	2.873.614.236	15.172.367	2.888.786.603
<b>Tại ngày 30/06/2010</b>	<b>21.848.641.078</b>	<b>15.172.367</b>	<b>21.863.813.445</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 30/06/2010	<u>35.425.792.688</u>	<u>332.475.453</u>	<u>35.758.268.141</u>
Tại ngày 31/12/2009	<u>38.299.406.924</u>	-	<u>38.299.406.924</u>

**9. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	<u>30/06/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Các khoản ủy thác đầu tư tài chính	200.000.000.000	200.000.000.000
<i>Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực (i)</i>	200.000.000.000	200.000.000.000
Đầu tư vào trái phiếu Ngân hàng BIDV (ii)	118.151.962.500	118.151.962.500
Đầu tư vào trái phiếu Ngân hàng HBB (iii)	100.000.000.000	100.000.000.000
Đầu tư chứng khoán khác (iv)	46.498.000.000	46.498.000.000
Góp vốn vào Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh (v)	817.295.117.400	747.900.000.000
Góp vốn vào Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng (v)	772.907.500.000	687.657.500.000
Góp vốn vào Công ty Cổ phần EVN Quốc tế (v)	10.800.000.000	-
Góp vốn vào Công ty Cổ phần dịch vụ sửa chữa nhiệt điện Miền Bắc (v)	7.500.000.000	7.500.000.000
	<u>2.073.152.579.900</u>	<u>1.907.707.462.500</u>
Đã phân loại sang đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-
<b>Số dư đầu tư tài chính dài hạn khác</b>	<b>2.073.152.579.900</b>	<b>1.907.707.462.500</b>
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn	(37.788.000.000)	(37.788.000.000)
	<u>2.035.364.579.900</u>	<u>1.869.919.462.500</u>

- (i): *Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực*: Là khoản ủy thác đầu tư theo Hợp đồng ủy thác đầu tư với số tiền là 200 tỷ VND để mua trái phiếu doanh nghiệp bao gồm trái phiếu EVN và trái phiếu doanh nghiệp có uy tín. Thời hạn của khoản ủy thác đầu tư là 03 năm kể từ ngày Công ty chuyển khoản vốn ủy thác. Lãi suất của khoản ủy thác đầu tư là 11%/năm trong năm thứ nhất và bình quân lãi suất tiết kiệm cá nhân 12 tháng của 4 ngân hàng thương mại VCB, BIDV, Vietinbank, Agribank trên địa bàn Hà Nội vào ngày xác định lãi suất + 2,5%/năm cho năm thứ hai và thứ ba. Phí quản lý hàng năm của khoản ủy thác đầu tư là 0,1% được tính trên vốn đầu tư.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**9. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (Tiếp theo)**

- (ii): **Đầu tư trái phiếu Ngân hàng BIDV:** Là khoản đầu tư mua trái phiếu Ngân hàng BIDV theo hợp đồng mua bán chứng khoán niêm yết theo phương thức giao dịch thỏa thuận với số tiền là 117.975.000.000 VND với mục đích mua trái phiếu của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam. Trái phiếu có thể được Tổ chức phát hành mua lại vào ngày 19 tháng 05 năm 2016. Lãi suất 10,2%/năm có giá trị đến ngày 19 tháng 05 năm 2016. Trong trường hợp trái phiếu không được Tổ chức phát hành mua lại vào ngày này thì sau đó trái phiếu sẽ được hưởng lãi suất là 10,825%.
- (iii): **Đầu tư trái phiếu Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội (HBB):** Là khoản đầu tư mua trái phiếu Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội theo hợp đồng mua trái phiếu với số tiền là 100 tỷ VND. Thời hạn của hợp đồng là 3 năm tính từ thời điểm phát hành trái phiếu. Trái phiếu được chào bán không có bảo đảm, lãi suất năm đầu cố định là 10,5%, lãi suất năm sau thả nổi.
- (iv): **Đầu tư chứng khoán khác:** là khoản đầu tư mua 670.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa với giá bình quân là 69.400 VND/cổ phiếu. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán đã được trích lập cho khoản đầu tư này tại ngày 30 tháng 06 năm 2010 với số tiền là 37.788.000.000 VND.
- (v): Công ty góp vốn vào Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng, Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh, Công ty Cổ phần Dịch vụ sửa chữa nhiệt điện Miền Bắc và Công ty Cổ phần EVN Quốc tế với tỷ lệ vốn góp lần lượt là 15,5%, 16,35%, 15% và 10%. Công ty có kế hoạch góp vốn vào Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng với tỷ lệ vốn góp lên tới 20%.

**10. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI**

	Chênh lệch tỷ giá hối đoái (i) VND	Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (ii) VND	Tổng VND
Tại ngày 01/01/2009	291.794.939.526	23.914.105.238	315.709.044.764
Tăng lợi nhuận trong năm	-	5.544.010.353	5.544.010.353
Tại ngày 31/12/2009	291.794.939.526	29.458.115.591	321.253.055.117
Tăng lợi nhuận trong kỳ	-	2.925.000.000	2.925.000.000
Tại ngày 30/06/2010	291.794.939.526	32.383.115.591	324.178.055.117

- (i): Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận từ lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đánh giá lại của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ. Chi phí tài chính của khoản lỗ đánh giá lại lớn hơn cơ sở thuế. Vì vậy, một khoản tài sản thuế hoãn lại đã được ghi nhận và xác định theo thuế suất dự tính áp dụng cho năm tài sản thuế được thu hồi.
- (ii): Tài sản thuế hoãn lại được ghi nhận từ việc lập dự phòng hàng tồn kho theo chính sách kế toán của Công ty và theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán (Thuyết minh số 3 - Phần "Hàng tồn kho"). Vì vậy, có sự chênh lệch về mặt thời gian giữa lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế. Theo đó, tài sản thuế hoãn lại được ghi nhận cho chênh lệch tạm thời này.

**11. CÁC KHOẢN VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	30/06/2010 VND	31/12/2009 VND
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 15)	372.648.174.393	372.648.174.393
	<b>372.648.174.393</b>	<b>372.648.174.393</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÃU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	30/06/2010	31/12/2009
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	17.296.997.351	17.322.851.299
Thuế tài nguyên	489.440.000	499.600.800
Các loại thuế khác	183.607.468	36.223.400
	<b>17.970.044.819</b>	<b>17.858.675.499</b>

**13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	30/06/2010	31/12/2009
	VND	VND
Lãi vay phải trả	52.187.542.762	52.740.000.000
Sửa chữa lớn chưa quyết toán	310.486.093.041	167.812.393.108
Các khoản chi phí phải trả khác	124.000	2.275.141.777
	<b>362.673.759.803</b>	<b>222.827.534.885</b>

**14. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC**

	30/06/2010	31/12/2009
	VND	VND
Kinh phí Công đoàn	253.532	2.770.156.284
Bảo hiểm xã hội	102.478.000	15.002.154
Bảo hiểm y tế	45.803.700	-
Nhận ký cược ngắn hạn	362.314.887	1.252.064.309
Các khoản phải trả khác (i)	5.613.708.360	90.570.133.899
	<b>6.124.558.479</b>	<b>94.607.356.646</b>

(i) Các khoản phải trả khác tại ngày 30 tháng 06 năm 2010 không bao gồm khoản phải trả Ban Quản lý Dự án Nhiệt điện 1 với số tiền là 81.131.476.128 VND, là giá trị vật tư dự phòng của dây chuyền thiết bị Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại 2, do đã thanh toán trong năm 2010.

**15. CÁC KHOẢN VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	30/06/2010		31/12/2009	
	(JPY)	(VND tương đương)	(JPY)	(VND tương đương)
Vay Tập đoàn Điện lực Việt Nam	33.421.360.933	6.707.667.139.251	34.349.732.070	6.893.991.226.447
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	(1.856.742.274)	(372.648.174.393)	(1.856.742.274)	(372.648.174.393)
<b>Số dư vay dài hạn</b>	<b>31.564.618.659</b>	<b>6.335.018.964.858</b>	<b>32.492.989.796</b>	<b>6.521.343.052.054</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**15. CÁC KHOẢN VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)**

Khoản vay trên được thực hiện bằng đồng Yên Nhật (JPY) theo Hợp đồng số 002/2006/HDCVL ngày 30 tháng 11 năm 2006 về việc Tập đoàn Điện lực Việt Nam cho Công ty vay lại nguồn vốn vay của Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JBIC) để đầu tư xây dựng Dự án Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại 2. Khoản vay này bắt đầu được ghi nhận tại thời điểm bàn giao vốn Nhà nước cho công ty cổ phần là ngày 26 tháng 12 năm 2006. Thời hạn cho vay lại là 22 năm 6 tháng, gốc vay và lãi vay được trả mỗi năm hai kỳ vào ngày 20 tháng 3 và 20 tháng 9 hàng năm với số tiền gốc bằng nhau cho mỗi kỳ là 928.371.137 JPY. Kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 20 tháng 03 năm 2006 và kỳ cuối cùng vào ngày 20 tháng 03 năm 2028. Lãi suất vay là lãi suất cho vay lại của Bộ Tài chính theo từng hiệp định vay vốn được thông báo bởi Bộ Tài chính (bao gồm lãi suất cho vay của JBIC và phí quản lý khoản vay của Bộ Tài chính). Lãi suất cho vay bình quân của các khoản vay theo từng hiệp định là 2,5% năm, phí cho vay lại của Tập đoàn Điện lực Việt Nam là 0,2%/năm. Lãi vay và phí cho vay lại được tính trên số dư nợ gốc vay và số ngày thực tế trong kỳ tính lãi. Khoản vay này được Bộ Tài chính bảo lãnh với JBIC, không có tài sản đảm bảo.

*Các khoản vay trên được hoàn trả theo lịch biểu sau:*

	30/06/2010		31/12/2009	
	(JPY)	(VND tương đương)	(JPY)	(VND tương đương)
Trong vòng một năm	1.856.742.274	372.648.174.393	1.856.742.274	372.648.174.393
Trong năm thứ hai	1.856.742.274	372.648.174.393	1.856.742.274	372.648.174.393
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	5.570.226.822	1.117.944.523.171	5.570.226.822	1.117.944.523.171
Sau năm năm	24.137.649.563	4.844.426.267.294	25.066.020.700	5.030.750.354.490
	<b>33.421.360.933</b>	<b>6.707.667.139.251</b>	<b>34.349.732.070</b>	<b>6.893.991.226.447</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	(1.856.742.274)	(372.648.174.393)	(1.856.742.274)	(372.648.174.393)
<b>Số phải trả dài hạn</b>	<b>31.564.618.659</b>	<b>6.335.018.964.858</b>	<b>32.492.989.796</b>	<b>6.521.343.052.054</b>

Tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2010, số dư khoản vay dài hạn bằng đồng Yên Nhật (JPY) chưa được đánh giá lại theo tỷ giá tính chéo được Ngân hàng Nhà nước công bố là 204,12 VND/JPY (tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 200,7 VND/JPY). Nếu thực hiện đánh giá lại khoản mục vay dài hạn có gốc ngoại tệ theo tỷ giá tính chéo tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2010, lợi nhuận trong kỳ của Công ty sẽ giảm đi với số tiền là 114.301.054.189 VND.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI**

Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh,

Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

MÀU SỐ B 09-DN

**16. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

*Thay đổi trong vốn chủ sở hữu*

	Vốn điều lệ VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND
Số dư tại ngày 01/01/2009	3.262.350.000.000	-	(65.004.299.580)	309.600.000.000	52.500.000.000	(127.460.064.203)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	892.014.465.088
Trích quỹ trong năm	-	-	-	-	-	(7.000.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2009	3.262.350.000.000	-	(65.004.299.580)	309.600.000.000	52.500.000.000	757.554.400.885
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	435.232.693.256
Tạm trích quỹ trong kỳ (*)	-	-	-	-	-	(28.000.000.000)
Chia lợi nhuận cho các cổ đông (*)	-	-	-	-	-	(390.185.536.800)
Tăng khác	-	17.677.475.737	-	(17.677.475.737)	-	-
Số dư tại ngày 30/06/2010	3.262.350.000.000	17.677.475.737	(65.004.299.580)	291.922.524.263	52.500.000.000	774.601.557.341

(\*): Việc tạm ứng cổ tức trong kỳ với mức cổ tức 12% và tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi với số tiền 28 tỷ VND được thực hiện theo tờ trình của Ban Giám đốc về phương án phân phối lợi nhuận của năm 2009. Ngày 23 tháng 7 năm 2010, Hội đồng Quản trị của Công ty đã phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận này.

**Vốn điều lệ**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ nhất ngày 24 tháng 05 năm 2007, vốn điều lệ của Công ty là 3.262.350.000.000 VND. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2010, vốn điều lệ của Công ty đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Vốn đã góp tại ngày	
	30/06/2010 (VND)	31/12/2009 (VND)
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	2.135.002.260.000	2.135.002.260.000
Cổ đông khác	1.127.347.740.000	1.127.347.740.000
	3.262.350.000.000	3.262.350.000.000
	(%)	(%)
	65,44	65,44
	34,56	34,56
	100	100

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**17. DOANH THU**

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009 VND
<b>Hoạt động sản xuất điện</b>	<b>2.261.094.247.244</b>	<b>2.254.169.073.671</b>
Doanh thu bán điện cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam	2.260.317.109.229	2.253.345.013.681
Điện tự dùng	777.138.015	824.059.990
<b>Hoạt động khác</b>	<b>3.344.415.996</b>	<b>2.005.551.505</b>
Doanh thu hoạt động khác	3.344.415.996	2.005.551.505
	<b>2.264.438.663.240</b>	<b>2.256.174.625.176</b>

Doanh thu bán điện của Công ty được ghi nhận dựa trên giá quy định tại Nghị quyết số 401/NQ-HĐQT ngày 25 tháng 06 năm 2010 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về giá bán điện đối với Công ty trong giai đoạn 2010 đến 2013. Công ty và Công ty mua bán điện đang trong quá trình thương thảo để ký kết chính thức hợp đồng mua bán điện.

**18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009 VND
<b>Hoạt động sản xuất điện</b>	<b>1.879.433.435.875</b>	<b>1.608.411.736.362</b>
Chi phí than, dầu	1.119.019.100.941	884.243.515.044
Chi phí khấu hao	436.754.959.527	439.362.975.793
Chi phí sửa chữa	227.149.783.412	212.180.046.006
Chi phí lương và bảo hiểm	67.115.152.000	54.428.540.000
Chi phí phụ liệu	13.138.378.305	14.137.048.887
Chi phí khác	16.256.061.690	4.059.610.632
<b>Hoạt động khác</b>	<b>411.964.850</b>	<b>402.653.839</b>
	<b>1.879.845.400.725</b>	<b>1.608.814.390.201</b>

**19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	133.871.723.294	149.482.041.233
Lãi từ hoạt động đầu tư tài chính	92.110.764.651	15.108.533.333
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	16.308.238	12.365.386.323
	<b>225.998.796.183</b>	<b>176.955.960.889</b>

**20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009 VND
Lãi tiền vay dài hạn	95,448,895,296	83,524,408,655
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	5,898,550,971	65,406
Chi phí tài chính khác	9,415,749,720	-
	<b>110,763,195,987</b>	<b>83,524,474,061</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÃU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**21. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009 VND
Lợi nhuận trước thuế	462.509.777.429	706.898.010.134
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	45.000.000	611.910.760.724
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	611.535.560.724
Cộng: Chi phí không được khấu trừ	45.000.000	375.200.000
<b>Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>462.554.777.429</b>	<b>1.318.808.770.858</b>
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp thuế suất 0%	341.746.440.739	1.223.821.521.448
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp thuế suất 25%	120.808.336.690	94.987.249.410
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	30.202.084.173	23.746.812.353
Thuế thu nhập hoãn lại (xem thuyết minh số 10)	(2.925.000.000)	-
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>27.277.084.173</b>	<b>23.746.812.353</b>

**22. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009 VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	435.232.693.256	683.151.197.781
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi trên cổ phiếu cơ bản	325.154.614	325.154.614
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.339	2.101

**23. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

*Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:*

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009 VND
<b>Doanh thu</b>		
Bán điện cho Công ty mua bán điện	2.260.317.109.229	2.253.345.013.681
<b>Trả gốc vay và lãi vay</b>		
Trả gốc vay Tập đoàn Điện lực Việt Nam	101.675.079.914	159.364.189.377
Bù trừ gốc vay và khoản phải thu với Tập đoàn Điện lực Việt Nam	84.649.007.282	159.364.189.377
Chi phí lãi vay phải trả Tập đoàn Điện lực Việt Nam	95.448.895.296	83.524.408.655
<b>Mua hàng hóa và dịch vụ</b>		
Công ty Cổ phần Dịch vụ sửa chữa Nhiệt điện miền Bắc	19.836.699.878	20.141.588.978
<b>Lãi đầu tư, cho vay</b>		
Thu nhập lãi cho vay Tập đoàn Điện lực Việt Nam	39.630.555.556	40.222.222.222

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÃU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**23. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

*Số dư với các bên liên quan:*

	30/06/2010	31/12/2009
	VND	VND
Vay Tập đoàn Điện lực Việt Nam	6.707.667.139.251	6.893.991.226.447
Phải thu Công ty mua bán điện	1.128.707.309.993	768.392.660.589
Đầu tư vào Công ty Cổ phần nhiệt điện Hải phòng	772.907.500.000	687.657.500.000
Đầu tư vào Công ty Cổ phần nhiệt điện Quảng Ninh	817.295.117.400	747.900.000.000
Đầu tư vào Công ty Cổ phần Dịch vụ sửa chữa Nhiệt điện miền Bắc	7.500.000.000	7.500.000.000
Cho vay Tập đoàn Điện lực Việt Nam	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
Phải trả Công ty Cổ phần Dịch vụ sửa chữa Nhiệt điện miền Bắc	6.160.528.040	20.496.606.258

*Thu nhập của Ban Giám đốc:*

Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
	VND	VND
Lương	509.664.698	431.311.600

**24. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Ngày 13 tháng 7 năm 2010, Công ty thanh toán tiếp phần vốn góp vào Công ty Cổ phần EVN Quốc tế với số tiền là 60 tỷ VND.

Ngày 23 tháng 7 năm 2010, Hội đồng Quản trị của Công ty đã có Nghị quyết số 44 quyết định các vấn đề sau:

- Mức trả cổ tức cho năm 2009 là 15%.
- Công ty sẽ mua 2 triệu cổ phiếu của làm cổ phiếu quỹ.
- Công ty tiếp tục góp vốn vào Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng với tỷ lệ 4% vốn điều lệ để nâng tổng mức góp vốn lên 20% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng.
- Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2009 vào các quỹ dự phòng tài chính, quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng Ban điều hành với số tiền tương ứng là 30 tỷ VND, 18 tỷ VND, 28 tỷ VND và 500 triệu VND.

**25. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Một số số liệu của báo cáo năm trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay theo quy định tại Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

Khoản mục	Mã số	31/12/2009	
		Trình bày trước đây VND	Trình bày lại VND
Quỹ khen thưởng phúc lợi	431	2.767.619.695	-
Quỹ khen thưởng phúc lợi	323	-	2.767.619.695

\*\*\*